TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HS-ST

Ngày: 28-10-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Thành Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lực;

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Võ Thanh Tòng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2020/TLST-HS ngày 05/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 41/2020/QĐXXST-HS ngày 12/10/2020, đối với bị cáo:

Đào Thị Trúc C, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Số 915/12, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Đào Lê X và bà Nguyễn Thị C; Có chồng tên Nguyễn Hoàng C (đã ly hôn) và có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017); Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 01/8/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A xử phạt 01 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/3/2019; Tạm giữ ngày 18/7/2020; Tạm giam từ ngày 27/7/2020 đến nay; Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L, tỉnh Đ. (có mặt)

- *Bị hại:* Bà Võ Thị T, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 01, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đ. (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Anh Đỗ Trần Thanh N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 110/20, đường N, phường A, quận N, thành phố C; (vắng mặt)

2. Chị Trần Thị Trang T1, sinh năm 1998; Địa chỉ: Số 122/4, ấp T, khóm M, thành phố L, tỉnh A; (có đơn xin vắng mặt)

3. Bà Huỳnh Kim T2, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2019, Đào Thị Trúc C, sinh năm 1992, ngụ khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A và Phan Văn T3, sinh năm 1990, ngụ ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đ quen biết nhau và sống chung như vợ chồng tại nhà của T3.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 26/6/2020, sau khi đi chợ về, thì trong nhà chỉ có một mình C. Sau đó, C vào phòng ngủ của bà Võ Thị T (mẹ của T3) để lấy quần áo cho con của T3 thì phát hiện trên sào treo quần áo có một bọc nylon màu đen, bên trong có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, được băng bằng dây thun chia thành 02 cọc, với tổng số tiền 92.000.000 đồng nên C nảy sinh ý định lấy trộm tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân. C lấy bọc đen có tiền bên trong cất giấu vào túi áo khoác và thuê xe honda ôm về nhà mẹ ruột Nguyễn Thị C1 thuộc khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, bà T về nhà phát hiện tài sản bị mất trộm nên nói lại sự việc cho T3 biết và nghi ngờ C là người lấy trộm tài sản. Cho nên, ngày 27/6/2020 bà T đến Công an xã Mỹ An Hưng A trình báo sự việc và Công an xã Mỹ An Hưng A chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền. Đến ngày 18/7/2020, C đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra Đào Thị Trúc C thừa nhận: Sau khi trộm được tiền, C đã sử dụng 40.000.000 đồng để trả nợ cho gia đình cho người tên H (không rõ họ tên thật và địa chỉ) và C về nhà cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị C số tiền 6.000.000 đồng. Sau đó, C đi một mình đến tiệm vàng Tấn Đạt thuộc phường M, thành phố L, tỉnh A mua 01 chiếc lắc dạng hột, loại vàng 18k giá 5.000.000 đồng, 02 chiếc nhẫn có đính hột màu trắng, loại vàng 18k giá 4.000.000 đồng, 01 sợi dây chuyền dạng xoắn loại vàng 18k với giá 10.000.000 đồng; đến cửa hàng xe Tô Phát Kim Thoa thuộc đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, lúc này C nói với cửa hàng xe mình tên Đào Thị Thu T4, mua xe mô tô biển số

67D1-435.69 với giá 24.500.000 đồng để làm phương tiện đi lại. Số tiền còn lại 2.500.000 đồng C tiêu xài cá nhân hết.

Trước khi ra đầu thú, C đã gửi 01 chiếc lắc dạng hột, 02 chiếc nhẫn có đính hột màu trắng, 01 sợi dây chuyền dạng xoắn đều là loại vàng 18k và 02 chiếc bông tai cho anh Đỗ Trần Thanh N, sinh năm 1985, ngụ số 110/20, đường N, phường A, quận N, thành phố C cất giữ giùm. Khi gửi tài sản trên cho anh Nhã, Chi không nói tài sản trên do trộm cắp mà có.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã thu giữ của C xe mô tô biển số 67D1-435.69 cùng giấy đăng ký xe tên Lê Thanh T5 và 01 điện thoại Samsung Galaxy A10 màu xanh. Đến ngày 24/7/2020, anh Đỗ Trần Thanh N tự nguyện đến Cơ quan điều tra giao 01 chiếc lắc dạng hột, 02 chiếc nhẫn có đính hột màu trắng, 01 sợi dây chuyền dạng xoắn đều là loại vàng 18k và 02 chiếc bông tai của C đã gửi.

Ngày 25/7/2020, Cơ quan điều tra đến tiệm vàng Tấn Đạt thuộc chợ M, thành phố L, tỉnh A xác minh được chị Trần Thị Trang T nhân viên bán hàng của tiệm vàng xác nhận: C có đến cửa hàng mua 01 chiếc lắc dạng hột, loại vàng 18k giá khoảng 5.000.000 đồng; 02 chiếc nhẫn có đính hột màu trắng, loại vàng 18k giá khoảng 4.000.000 đồng; 01 sợi dây chuyền dạng xoắn loại vàng 18k với giá khoảng 10.000.000 đồng.

Qua xác minh tại cửa hàng xe Tô Phát Kim Thoa thuộc đường T, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, bà Huỳnh Kim T2 chủ cửa hàng xe xác nhận: Vào ngày 26/6/2020, có bán xe mô tô biển số 67D1-435.69 cho người phụ nữ tên Đào Thị Thu T4, ngụ ấp Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A với giá 24.500.000 đồng.

Đối với xe mô tô biển số 67D1-435.69, qua điều tra xác định do anh Lê Thanh T5, sinh năm 1989, ngụ ấp V, xã V, huyện T, tỉnh A đứng tên chủ sở hữu. Khoảng năm 2019, T3 đã bán xe trên cho người khác (không rõ họ tên và địa chỉ) nhưng không làm thủ tục sang tên. Bà Huỳnh Kim T2 chủ cửa hàng xe Tô Phát Kim Thoa mua lại xe trên, sau đó bán cho C với giá 24.500.000 đồng.

Bị hại Võ Thị T khai nhận: Tổng giá trị tài sản bị mất trộm là 102.500.000 đồng gồm nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, được băng bằng dây thun chia thành 02 cọc. Tuy nhiên, quá trình điều tra thể hiện đối với số tiền bị mất trộm là do bà T tích góp được nhiều lần từ bán lúa, các con cho, tiền cho thuê đất và chỉ có một mình bà T biết về số tiền này. Ngoài ra, không có ai khác biết cụ thể số tiền là bao nhiêu. Do đó, căn cứ vào lời khai tại biên bản đầu thú, tờ tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung của bị can, vật chứng thu giữ có đủ căn cứ xác định bị can C chỉ trộm của bà T số tiền

92.000.000 đồng. Quá trình điều tra, bà T yêu cầu Chi bồi thường số tiền 102.500.000 đồng đã lấy trộm.

Ngày 11/9/2020, bị can C tự nguyện giao nộp 01 điện thoại Samsung Galaxy A10 màu xanh để khắc phục số tiền mà C đã trộm của bà T.

Quá trình điều tra, bị hại Võ Thị T đã thỏa thuận với bị can C sẽ nhận 01 chiếc lắc dạng hột, 02 chiếc nhẫn có đính hột màu trắng, 01 sợi dây chuyền dạng xoắn, 02 chiếc bông tai, 01 điện thoại Samsung Galaxy A10 màu xanh và xe mô tô biển số 67D1-435.69 cùng giấy đăng ký xe với tổng giá trị tài sản là 45.447.400 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại đều không có ý kiến hay đề nghị gì khác về xử lý vật chứng.

Tại bản Cáo trạng số 41/CT-VKSLVo ngày 05/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố Đào Thị Trúc C về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm, quyết định truy tố Đào Thị Trúc C về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đào Thị Trúc C mức hình phạt từ 03 năm tù đến 04 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Buộc bị cáo Đào Thị Trúc C tiếp tục bồi thường cho bà Võ Thị T số tiền 57.052.600 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo C đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung cáo trạng truy tố, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo không có tranh luận gì với Kiểm sát viên và bị cáo không nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Tại phiên tòa, bị hại T yêu cầu bị cáo C bồi thường thêm số tiền 57.052.600 đồng và bị cáo C tự nguyện bồi thường cho bị hại T số tiền 57.052.600 đồng và đồng thời bị hại T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Với hành vi của bị cáo Đào Thị Trúc C thực hiện như nội dung vụ án đã trình bày ở trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò đã truy tố bị cáo C về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Vấn đề này, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[3.1] Về xác định giá trị tài sản bị chiếm đoạt:

Quá trình điều tra, bị hại Võ Thị T cho rằng tổng giá trị tài sản bị mất trộm là 102.500.000 đồng gồm nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, được băng bằng dây thun chia thành 02 cọc, để ở trong bọc màu đen, treo trên cây móc quần áo và cất ở phía trong áo khoác của cháu nội bị hại T rồi treo ở cây sào quần áo. Số tiền này là do bị hại tích góp được nhiều lần từ việc bán lúa, các con cho, tiền cho thuê đất và chỉ có duy nhất bị hại biết về số tiền này, chứ không có ai khác biết được cụ thể số tiền là bao nhiêu. Mặt khác, trong nhà bị hại T ngoài bị hại T với bị cáo C ra, thì còn có anh Phan Văn T4, chị Phan Ngọc T6 và cháu nội bị hại sinh sống. Do đó, căn cứ vào lời khai tại biên bản đầu thú, tờ tự khai, biên bản ghi lời khai của bị cáo, bị hại và những người làm chứng, đặc biệt là các lời khai của anh T4 và chị T6 (các của con bị hại), biên bản hỏi cung của bị can, vật chứng thu giữ có đủ căn cứ để xác định bị cáo C chỉ lấy trộm của bị hại số tiền 92.000.000 đồng.

[3.2] Về nội dung vụ án:

Tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định: *"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"*. Theo đó, bị cáo Đào Thị Trúc C có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 92.000.000 đồng của bị hại Võ Thị T. Do đó, hành vi của bị cáo C đã thỏa mãn dấu hiệu về mặt khách quan của tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo C đã khai nhận hành vi thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố. Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo C phù hợp với lời

khai của bị cáo, bị hại và những người làm chứng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, các vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết được việc lợi dụng sự sơ hở của người khác để lén lút chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Điều này được thể hiện thông qua việc, bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A xử phạt 01 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Nhận thấy, bị cáo còn trẻ, có sức khỏe, lẽ ra bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để lao động tạo ra của cải, vật chất nuôi sống bản thân và gia đình. Ngược lại, với bản tính tham lam, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không cần phải bỏ sức lao động như bao người khác, nên đã lợi dụng lúc bị hại Võ Thị T không có ở nhà để lén lút chiếm đoạt tiền của bị hại để nhằm mục đích trả nợ và tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo C là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Qua phân tích trên cho thấy, hành vi của bị cáo C đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, bản Cáo trạng số 41/CT-VKSLVo ngày 05/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và sau khi bị phát hiện bị cáo đã tự nguyện ra trình diện và khai báo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi phạm tội của mình; bị cáo tự nguyện giao nộp các tài sản để bồi thường thiệt hại và tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Bộ luật Hình sự, thì: *"Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý hoặc thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do vô ý"*. Theo đó, ngày 01/8/2018 bị

cáo C bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A xử phạt 01 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/3/2019, nhưng tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội mới thì bị cáo C chưa được xóa án tích theo quy định tại các điều 69, 70 và 73 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, bị cáo C đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên bị cáo C bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, thì: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị hại Võ Thị T đã thỏa thuận với bị cáo Đào Thị Trúc C đồng ý nhận 01 chiếc lắc dạng hột, 02 chiếc nhẫn có đính hột màu trắng, 01 sợi dây chuyền dạng xoắn, 02 chiếc bông tai, 01 điện thoại Samsung Galaxy A10 màu xanh và xe mô tô biển số 67D1-435.69 cùng giấy đăng ký xe, với tổng giá trị tài sản là 45.447.400 đồng. Các tài sản nêu trên, bị hại T đã nhận lại theo Biên nhận ngày 08/9/2020 và Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu các ngày 11/9 và 13/9/2020 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L.

Tại phiên tòa, bị hại T yêu cầu bị cáo C bồi thường thêm số tiền 57.052.600 đồng và bị cáo C tự nguyện bồi thường cho bị hại T số tiền 57.052.600 đồng. Xét thấy, sự thỏa thuận giữa bị cáo với bị hại là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Từ những phân tích nêu trên, cho thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và trách nhiệm dân sự là phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với bà Nguyễn Thị C có hành vi nhận số tiền 6.000.000 đồng và người tên H có hành vi nhận số tiền 40.000.000 đồng do bị cáo C phạm tội mà có, do chưa làm việc được với bà C1 và người tên H, khi nào Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L làm việc được, nếu có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với anh Đỗ Trần Thanh N có hành vi cất giữ tài sản do bị cáo C phạm tội mà có, nhưng khi thực hiện hành vi anh Nhã không biết đây là tài sản do C phạm tội mà có, nên không có đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Nhã về tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết tội và có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại và không thuộc trường hợp không phải nộp án phí theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại đều có mặt tại phiên tòa, nên bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 268 và Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đào Thị Trúc C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Đào Thị Trúc C 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ là ngày 18/7/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Đào Thị Trúc C bồi thường cho bà Võ Thị T số tiền 57.052.600 đồng (Năm mươi bảy triệu, không trăm năm mươi hai nghìn, sáu trăm đồng).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đào Thị Trúc C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.852.630 đồng (Hai triệu, tám trăm năm mươi hai nghìn, sáu trăm ba mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- CQCSĐT Công an huyện Lấp Vò;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Lấp Vò;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thành Nhân